

Bản án số: 597/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn .

2. Bà Dương Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 334/2017/TLST – HNGĐ ngày 30/6/2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà M. T. T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: xx Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: xx Nguyễn Thái Bình, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông T. B. Tr, sinh năm 1976;

Địa chỉ: xx Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, bà M. T. T trình bày:

Bà T và ông T. B. Tr kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 01/4/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Tr không có hạnh phúc, luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xung đột. Từ tháng 7 năm 2015, sau khi bà T sinh

con thì hai bên đã không còn chung sống với nhau nữa, bà T trở về sống với cha mẹ ruột và kể từ đó không còn liên lạc với ông Tr. Ông Tr cùng gia đình ông ấy đã bán nhà bỏ đi, hiện nay bà T không biết ông Tr đang ở đâu. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Tr để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà T và ông Tr có 01 con chung là trẻ T K H, nam, sinh ngày 01/7/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: Ông Tr đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Toà án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông Tr đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của ông Tr được.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, có một số vi phạm tố tụng như sau: Thẩm phán chậm tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, đề nghị khắc phục những vấn đề trên.

- Về nội dung vụ án:

+ Yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Tr là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, nam, sinh ngày 01/7/2015 và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn”. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông Tr có nơi cư trú tại Quận 11, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Ông Tr đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Tr.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

a) Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Tr có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Tr không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn tin tưởng đối với nhau. Bà T và ông Tr đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, quan hệ hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Ông Tr đã được Tòa án nhân dân Quận 11 tuyên bố là một người mất tích theo Quyết định số 187/2018/QĐST-DS ngày 20/7/2018, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Tr là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

* Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, nam, sinh ngày 01/7/2015 và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu này của bà T.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trang khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

b) Về phía bị đơn: Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(...) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...”

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Tr đã không đến Tòa án để cung cấp lời khai. Đồng thời, ông Tr cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho ông Tr tại các buổi lấy lời khai, các phiên hòa giải và trong các phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông Tr đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông Tr không có thiện chí muốn tiếp tục chung sống với bà T và chấp nhận ly hôn với bà T.

3. Về án phí: Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà M. T. T. Bà T được ly hôn với ông T. B. Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày x/y/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T. K. H, nam, sinh ngày 01/7/2015. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004220 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- UBND P3, Q.11;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Vĩ Bửu